

DANH MỤC LUẬN VĂN KHOA CHĂN NUÔI BẢO VỆ NĂM 2018

TT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH, SINH TRƯỞNG VÀ SINH SẢN CỦA GÀ LẠC THÙY	THONGSAVAT H DOUANGDY	1. Ts. Ngô Thị Kim Cúc 2. Ts. Nguyễn Hoàng Thịnh	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được một số đặc điểm ngoại hình và kích thước các chiều đo của gà Lạc Thủy - Đánh giá được khả năng sinh trưởng của gà Lạc Thủy - Đánh giá được khả năng sinh sản của gà Lạc Thủy <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Gà Lạc Thủy có ngoại hình khá đồng nhất với con mái có màu lông nâu lá chuối khô, con trống có màu đỏ tía. Gà Lạc Thủy mào cò, màu chân vàng nhạt.</p> <p>Gà Lạc thủy lúc 38 tuần tuổi, gà trống có dài thân trung bình là từ 24,20 - 24,44 cm. Gà Mái có dài thân trung bình là từ 22,45 - 23,10 cm. Chiều dài đùi của gà trống Lạc Thủy là từ 18,10 - 18,51 cm; gà mái là từ 14,29 - 14,33 cm. Vòng ngực gà trống là từ 34,15 - 34,53 cm và gà mái từ 31,02 - 31,44 cm.</p> <p>Khối lượng cơ thể lúc 7 tuần tuổi gà mái là từ 481,17 - 482 g, gà trống ở là từ 556,40 - 564,67 g. Khối lượng cơ thể lúc 20 tuần tuổi gà mái là từ 1587,33 - 1634,22 g và gà trống là 1911,49 - 2034,33 g. Tiêu tốn thức ăn từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi là từ 7458,56 - 8137,56 g.</p> <p>Năng suất trứng đến 38 tuần tuổi là từ 43,32 - 46,30 quả. Tính đến 52 tuần tuổi tỷ lệ đẻ là từ 28,73 - 31,23 %. Năng suất trứng là từ 64,36 - 69,96 quả. Tiêu tốn thức ăn để sản xuất ra 10 trứng của gà Lạc Thủy trung bình là từ 4,28 đến 4,83 kg/10 trứng. Gà Lạc Thủy cho ăn với định lượng thức ăn như gà Mía cho năng suất trứng là cao nhất.</p> <p>Tỷ lệ trứng có phôi trung bình các đợt ấp là 88,90 - 89,25 %. Tỷ lệ nở so với số trứng đem ấp là từ 74,54 - 74,69 %.</p>
2	TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI BÒ THỊT VÀ THỬ NGHIỆM NUÔI VỖ BÉO BÒ LAI HƯỚNG THỊT TẠI ĐẮK LẮK	PHETXAY XAY YA SENG	Gs.Ts. Nguyễn Xuân Trạch Ts. Trần Hiệp	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng chăn nuôi bò lai hướng thịt tại tỉnh Đắk Lắk. - Đánh giá được tốc độ sinh trưởng, khả năng cho thịt và chất lượng thịt của con lai F1(BBB x Laisind), F1(Droughtmaster x Laisind) và F1(Red Angus x Laisind) khi nuôi vỗ béo. <p>Kết quả nghiên cứu</p> <p>Đắk Lắk có diện tích rộng, có điều kiện khí hậu phù hợp cho việc phát triển chăn nuôi bò thịt hàng hóa. Tổng đàn bò tại Đắk Lắk có số lượng lớn 234.637 con đứng thứ 2 trong vùng Tây Nguyên. Quy mô nuôi bò ở Đắk Lắk tập trung ở quy mô dưới 5 con, bò địa phương 48,08%, bò Laisind 30,77%, bò lai 21,15%.</p> <p>Bò F₁(Red Angus x Laisind), F₁(Droughtmaster x Laisind), F₁(BBB x Laisind) có sinh trưởng tích lũy tương ứng 408,9 kg; 401,3 kg và 482,90 kg. Sinh trưởng tuyệt đối đạt tương ứng 607,3 g/ngày; 595,8 g/ngày và 711,4 g/ngày</p> <p>Bò F₁(Red Angus x Laisind), F₁(Droughtmaster x Laisind), F₁(BBB x Laisind) nuôi vỗ béo đạt tăng trưởng tương ứng 848,2 g/ngày; 859,3 g/ngày và 955,6 g/ngày.</p> <p>Bò F₁(Red Angus x Laisind), F₁(Droughtmaster x Laisind), F₁(BBB x Laisind) có năng suất thịt cao, tỷ lệ thịt xẻ đạt tương ứng 55,77%; 55,37% và 60,72%, tỷ lệ thịt tinh đạt tương ứng 43,8%; 44% và 50,6%.</p> <p>Bò nuôi vỗ béo bò F₁(Red Angus x Laisind), F₁(Droughtmaster x Laisind), F₁(BBB x Laisind) mang lại hiệu quả kinh tế 898.000 - 1.255.000 đồng/con/tháng.</p> <p>5. Kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện tự nhiên tỉnh Đắk Lắk phù hợp với chăn nuôi bò; + Chăn nuôi bò tại tỉnh có quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung ở quy mô < 5 con chiếm 51% số bò nuôi trong nông hộ. + Tốc độ sinh trưởng giai đoạn SS-21 tháng tuổi đạt 595,8 g/con/ngày - 711,43 g/ngày, tương ứng với các con lai F₁(Red Ang x LS) 607,30 g/ngày; F₁(Dro x LS) đạt 595,80 g/ngày và F₁(BBB x LS) đạt 711,43 g/ngày. + Bò lai nuôi vỗ béo đạt tốc độ sinh trưởng từ 848,2 g/con/ngày - 955,6 g/ngày, tương ứng với các con lai F₁(Red Ang x LS) đạt 848,2 g/ngày; F₁(Dro x LS) 859,3 g/ngày và F₁(BBB x LS) đạt 955,6 g/ngày. + Bò F₁(Red Ang x LS), F₁(Dro x LS), F₁(BBB x LS) có tỷ lệ thịt xẻ cao tương ứng 55,77%; 55,37% và 60,72%; tỷ lệ thịt tinh đạt tương ứng 43,8%; 44% và 50,67% + Nuôi vỗ béo bò F₁(Red Angus x LS), F₁(Drought x LS) F₁(BBB x LS) đưa lại hiệu quả kinh tế cao thu nhập hàng tháng

				tương ứng 898.333,3 đồng/ tháng; 943.000 đồng/tháng và 1.255.333 đồng/tháng
3	ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH, KHẢ NĂNG SINH SẢN, SINH TRƯỞNG CỦA ĐÀN VỊT TRỜI NUÔI TẠI CÔNG TY LUCAVI HUYỆN THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH	NGUYỄN ĐĂNG CUỒNG	Ts Nguyễn Hoàng Thịnh Pgs.Ts Phan Xuân Hào	<p>Mục đích nghiên cứu Mô tả được các đặc điểm ngoại hình cơ bản đặc trưng của vịt trời. Đánh giá khả năng sản xuất của vịt trời nuôi ở điều kiện bán chăn thả Đánh giá được năng suất chất lượng thịt của vịt trời</p> <p>Kết quả chính và kết luận Vịt trời thành thực muộn, đẻ quả trứng đầu tiên ở 26 tuần tuổi, đẻ 5% lúc gần 29 tuần tuổi và đẻ đỉnh cao ở 34 tuần tuổi. Quy luật đẻ trứng của vịt trời hoàn toàn khác với vịt nhà: bắt đầu đẻ vào khoảng tháng 12 hàng năm, đẻ 6 tháng thì nghỉ, sau 2 tháng lại đẻ tiếp. Tỷ lệ đẻ cao nhất là 55-61%, trung bình tỷ lệ đẻ hàng năm chỉ là 23,80% với sản lượng trứng sau 44 tuần đẻ chỉ là 26,65 quả/mái. Khoảng 1/3 trứng vịt trời có vỏ màu xanh, 2/3 màu trắng, trứng nặng 62,43 g, chất lượng trứng tốt. Tỷ lệ có phôi đạt 96,43-97,67%, tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt 88,13%, tỷ lệ nở/tổng số trứng ấp đạt 84,12%, tỷ lệ vịt con loại 1/số con nở ra là 95,21%. Tỷ lệ nuôi sống của vịt trời nuôi thịt đến 13 tuần tuổi đạt 95,33% Khối lượng cơ thể con trống đạt 1,19 kg; con mái 1,05 kg, trung bình tiêu tốn 4,53 kg thức ăn/1 kg tăng khối lượng. Tỷ lệ thân thịt của vịt trời là 65,3%; thịt đùi là 10,0%; thịt lườn là 14,1,%; thấp hơn so với các loại vịt nội khác của Việt Nam. Chỉ số sản xuất (PN) khi 12 tuần tuổi là 29 khi 13 tuần tuổi là 26% Nuôi 100 vịt trời lấy thịt, lãi 1 519 750 đồng/13 tuần nuôi.</p>
4	KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG VÀ SỨC SẢN XUẤT TRỨNG CỦA GÀ ARAUCANA ĐỀ TRỨNG VỎ XANH	KONGKEO PHILAVONG	Pgs.Ts. Đặng Thúy Nhung Pgs.Ts. Đình Văn Chính	<p>Mục đích nghiên cứu + Xác định được các đặc điểm về ngoại hình đặc trưng của gà Araucana. + Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất thân thịt của gà Araucana. + Đánh giá khả năng sản xuất và hiệu quả chăn nuôi gà Araucana đẻ trứng vỏ xanh theo phương thức chăn nuôi công nghiệp.</p> <p>Kết quả chính và kết luận 1) Gà mái có màu lông đa dạng hơn (màu đen và màu xám), gà trống có bộ lông màu đen. Gà 01 ngày tuổi có màu mờ chủ yếu là màu đen (82,13%) còn lại là màu mờ vàng (17,87%). Ở 4 và 6 tuần tuổi, tỷ lệ gà mái có mỏ màu đen cao hơn so với ở gà trống. Màu da chân chủ yếu của đàn gà Araucana ở 4,6 và 22 tuần tuổi là màu đen, chân đen lẫn trắng chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ở 4 tuần, 6 và 22 tuần tuổi, màu da của gà mái chủ yếu là màu đen và cao hơn ở gà trống có da màu đen. Tuy nhiên, gà trống 4 tuần tuổi tỷ lệ màu da trắng là 34,78% cao hơn ở gà mái là 18,10%. Tỷ lệ màu mỏ của gà mái chủ yếu là màu đen so với màu đỏ và cao hơn gà trống có mỏ màu đen. 2) Tỷ lệ nuôi sống qua các tuần tuổi của gà Araucana tương đối cao: 1 – 4 tuần tuổi là 99,12% và tỷ lệ chết và loại thải trung bình là 1,76%; 5 – 6 con trống là 100% và con mái là 99,81% và 7 – 18 tuần tuổi là 99,92%. Khối lượng cơ thể gà Araucana khi mới nở là 33,55 g/con; 6 tuần tuổi, gà trống là 575,01 g/con và gà mái là 518,83 g/con; 18 tuần tuổi gà mái là 1450,15 g/con. Như vậy, tỷ lệ nuôi sống của con trống là cao hơn con mái. Lượng thu nhận thức ăn từ 01 ngày tuổi – 4 là 22,31 g/con/ngày; 5 - 6 tuần tuổi, lượng thức ăn thu nhận của gà trống là 50,92 g/con/ngày cao hơn gà mái 48,27 g/con/ngày và 7 – 18 tuần tuổi là 69,33 g/con/ngày. 3) Tỷ lệ đẻ đỉnh cao của gà Araucana là 73,84% (tuần 28), sau đó, tỷ lệ đẻ giảm dần. Trung bình từ 19 – 40 tuần tuổi, tỷ lệ đẻ của gà Araucana thí nghiệm là 66,41%. Năng suất trứng của gà Araucana trung bình cả giai đoạn (từ 19 – 40 tuần tuổi) là 4,64 quả/mái/tuần. Tỷ lệ nuôi sống và loại thải của gà mái Araucana đẻ trứng vỏ xanh giai đoạn 19 – 40 tuần tuổi là 99,66% và tỷ lệ chết và loại thải là 0,34%. Lượng thức ăn thu nhận của gà thí nghiệm giai đoạn tuần 19 - 40 là tương đối cao (2,19kg thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể) và trung bình lượng thức ăn thu nhận của một gà mái là 107,13 g/con/ngày. Khối lượng trứng gà ở tuần tuổi 19 là 40,29 g/quả và 40 tuần tuổi là 55,70 g/quả. Khối lượng cơ thể gà ở tuổi 40 là 1806,67 g/con. Các chỉ tiêu chất lượng trứng của gà Araucana là rất tốt (đơn vị HU là 89,53). Các thành phần dinh dưỡng khác trong trứng gà vỏ xanh và gà Novogen Brown là tương đương nhau nhưng hàm lượng protein thô của trứng gà vỏ xanh cao hơn trứng gà Novogen Brown. 4) Gà Araucana đem lại hiệu quả chăn nuôi cao: trung bình 1 tháng nuôi gà đẻ cho lợi nhuận là 4.198.666VNĐ.</p>
5	KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHẨM CHẤT	KEOANONG SIPASERTH	1. Pgs. Ts. Đỗ Đức Lực	<p>Mục đích nghiên cứu: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phẩm chất tinh dịch của lợn đực giống Duroc và Piétrain nuôi tại Công ty TNHH lợn giống hạt nhân Dabaco nhằm góp phần nâng cao chất lượng của đàn đực giống phục vụ cho phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc của</p>

	TÍNH DỊCH CỦA LỢN DUROC VÀ PIÉTRAIN NUÔI TẠI CÔNG TY TNHH LỢN GIỐNG HẠT NHÂN DABACO		2. Ts. Hà Xuân Bộ	<p>tập đoàn Dabaco, tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.</p> <p>Kết quả chính và kết luận:</p> <p>1. Tăng khối lượng đạt của lợn đực Duroc và Piétrain lần lượt là 802,36 g/ngày và 680,64 g/ngày; tỷ lệ nạc cao (61,01% và 65,99%). Các chỉ tiêu sinh trưởng không có sự sai khác giữa lợn đực hậu bị Duroc và Piétrain ($P>0,05$). Tăng khối lượng bắt đầu kiểm tra đối với lợn đực hậu bị Duroc và Piétrain làm giảm tăng khối lượng trung bình hàng ngày, dày mỡ lưng và dày cơ thân. Ngược lại, tăng khối lượng kết thúc kiểm tra của lợn đực hậu bị Duroc làm tăng tăng khối lượng trung bình hàng ngày, dày mỡ lưng và dày cơ thân. Đối với lợn Piétrain, tăng khối lượng kết thúc kiểm tra đã tăng khối lượng trung bình hàng ngày, nhưng làm giảm dày mỡ lưng và dày cơ thân. Tuy nhiên, sự khác biệt về dày mỡ lưng và dày cơ thân không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$).</p> <p>2. Các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc và Piétrain nuôi tại Công ty TNHH lợn giống hạt nhân Dabaco đạt mức cao với các chỉ tiêu thể tích tinh dịch (223,16 ml và 235,36 ml), hoạt lực tinh trùng (87,93 % và 89,11%), nồng độ tinh trùng (314,40 triệu/ml và 325,97 triệu/ml) và tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác (69,10 tỷ/lần và 67,33 tỷ/lần). Giống không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc và Piétrain ($P>0,05$). Các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn đực Duroc và Piétrain theo mùa đều đạt tốt và hoàn toàn phù hợp với kết quả công bố của các tác giả trong, ngoài nước. Mùa vụ ảnh hưởng đến tất cả các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc và Piétrain, ngoại trừ chỉ tiêu thể tích tinh dịch.</p>
6	ẢNH HƯỞNG CỦA GEN MC4R VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁC ĐẾN KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG VÀ PHẨM CHẤT TINH DỊCH CỦA LỢN DUROC NUÔI TẠI CÔNG TY TNHH LỢN GIỐNG HẠT NHÂN DABACO	ĐÀO THỊ MỸ HẠNH	1. Ts. Hà Xuân Bộ 2. Pgs.Ts. Đỗ Đức Lực	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đánh giá ảnh hưởng của đa hình gen MC4R, khối lượng bắt đầu, khối lượng kết thúc, mùa vụ đến khả năng sinh trưởng của lợn đực hậu bị Duroc.</p> <p>Đánh ảnh hưởng của đa hình gen MC4R, tuổi của đực giống, tháng khai thác trong năm đến phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc nhằm phục vụ cho công tác giống và định hướng chọn lọc theo kiểu gen để nâng cao năng suất của giống lợn này.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Gen MC4R không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh trưởng và phẩm chất tinh dịch của lợn đực Duroc.</p> <p>Khối lượng bắt đầu kiểm tra đối với lợn đực hậu bị Duroc ảnh hưởng đến tăng khối lượng trung bình hàng ngày, trong khi đó, khối lượng kết thúc kiểm tra ảnh hưởng đến tăng khối lượng trung bình hàng ngày, dày mỡ lưng và dày cơ thân nhưng không ảnh hưởng đến tỷ lệ nạc. Mùa vụ ảnh hưởng đến khối lượng kết thúc, dày cơ thân và tỷ lệ nạc.</p> <p>Lựa chọn lợn mang các kiểu gen MC4R làm giống không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc. Tuổi khai thác tăng từ 1 năm đến 3 năm, nồng độ tinh trùng và tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác cũng tương ứng tăng theo. Các chỉ tiêu về phẩm chất tinh dịch của lợn Duroc qua các tháng trong năm đạt tốt và phù hợp với kết quả công bố của các tác giả trong và ngoài nước.</p>
7	SỨC SẢN XUẤT CỦA HAI ĐÀN GÀ LOHMANN MEAT VÀ LOHMANN BIG BÓ ME NUÔI TẠI YÊN DƯƠNG – TAM ĐẢO – VĨNH PHÚC	HÀ ANH DŨNG	Pgs.Ts. Đặng Thái Hải	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được khả năng sinh trưởng và sinh sản của đàn gà Lohmann Meat và đàn gà Lohmann Big. - Xác định được hiệu quả sử dụng thức ăn của đàn gà Lohmann Meat và đàn gà Lohmann Big. - Từ kết quả thu được khi theo dõi đàn gà Lohmann Meat và Lohmann Big góp phần hoàn thiện quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng hai giống gà này ở nước ta. <p>Kết quả chính và kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Trong giai đoạn hậu bị 1 - 23 tuần tuổi: <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng cơ thể của đàn gà mái Lohmann Meat là 2785,70 g/con, đàn gà trống là 3537,90g/con. Khối lượng cơ thể của đàn gà mái Lohmann Big là 2574,40 g/con, đàn gà trống là 3807,90g/con. - Độ đồng đều trung bình của đàn gà Lohmann Meat là 81,94% (đối với gà mái) và 74,70% (đối với gà trống). Độ đồng đều trung bình của đàn gà Lohmann Big là 77,81% (đối với gà mái) và 71,86% (đối với gà trống). - Lượng thức ăn giai đoạn hậu bị của đàn gà Lohmann Meat với gà mái là 9937,41 g/con, với gà trống là 11697,63 g/con. Lượng thức ăn giai đoạn hậu bị của đàn gà Lohmann Big là 9080,05g/con (đối với gà mái) và 11737,81 (đối với gà trống). - Tỷ lệ hao hụt trung bình của đàn gà Lohmann Big mái là 5,99%, gà trống là 29,74%. Tỷ lệ hao hụt trung bình của gà Lohmann Meat mái là 4,18%, gà trống là 18,97%. ❖ Trong giai đoạn từ 24 - 46 tuần tuổi: <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên ở 23 tuần tuổi, tỷ lệ đẻ đạt 5% ở tuần tuổi 24, tỷ lệ đẻ đỉnh cao ở tuần tuổi 31 đạt 90,03% Đối với mái Lohmann Meat và 87,025 đối với mái Lohmann Big. Tỷ lệ đẻ trung bình trong kỳ theo dõi (24 - 46 tuần tuổi) là 76,42% đối với mái Lohmann Meat và 71,70% đối với mái Lohmann Big. Năng suất trứng cộng dồn là 117,88 quả/mái đối với mái Lohmann Meat và 111,36 đối với mái Lohmann Big. - Tỷ lệ trứng giống trung bình là 94,25% đối với mái Lohmann Meat và 94,68% đối với mái Lohmann Big. Năng suất trứng

				<p>giống cộng dồn là 114,87 quả/mái đối với mái Lohmann Meat và 107,64 quả/mái đối với mái Lohmann Big.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trứng có phôi trung bình của cả giai đoạn sinh sản của gà mái Lohmann Meat là 90,91%, tỷ lệ ấp nở là 88,48% (số trứng ấp) và 97,22 (số trứng có phôi). Tỷ lệ trứng có phôi trung bình của cả giai đoạn sinh sản của gà mái Lohmann Big là 93,12%, tỷ lệ ấp nở là 89,50 (số trứng ấp) và 95,88 (số trứng có phôi). - Tiêu tốn thức ăn để sản xuất ra 10 quả trứng là 3,17 kg và 10 quả trứng giống là 4,03 kg đối với gà Lohmann Meat, Tiêu tốn thức ăn để sản xuất ra 10 quả trứng là 2,91 kg và 10 quả trứng giống là 3,43 kg đối với gà Lohmann Big. - Tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn sinh sản là 6,38% đối với gà mái Lohmann Meat và 8,51 đối với mái Lohmann Big.
8	KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHẨM CHẤT TINH DỊCH CỦA LỢN LANDRACE VÀ YORKSHIRE NUÔI TẠI CÔNG TY TNHH LỢN GIỐNG HẠT NHÂN DABACO	Soulixay HONGSOUVA NTHONG	Ts. Hà Xuân Bộ	<p>Mục đích nghiên cứu: Đánh giá khả năng sinh trưởng và phẩm chất tinh dịch của lợn đực giống Landrace và Yorkshire nuôi tại Công ty TNHH lợn giống hạt nhân Dabaco thông qua việc sử dụng các thiết bị hiện đại nhằm góp phần nâng cao chất lượng của đàn đực giống phục vụ cho phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc của tập đoàn Dabaco, tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.</p> <p>Kết quả chính và kết luận: 1. Khả năng sinh trưởng của lợn đực hậu bị Landrace và Yorkshire nuôi tại Công ty TNHH lợn giống hạt nhân Dabaco đạt tốt với tăng khối lượng đạt 901,45 g/ngày (Landrace) và 903,26 g/ngày (Yorkshire) và có tỷ lệ nạc cao (59,53 % đối với Landrace và 59,70 % đối với Yorkshire). Giống không ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng của lợn đực hậu bị Landrace và Yorkshire. Tăng khối lượng bắt đầu kiểm tra đối với lợn đực hậu bị Landrace và Yorkshire làm giảm tăng khối lượng trung bình hàng ngày, nhưng làm tăng dày cơ thăn và tỷ lệ nạc. Ngược lại, tăng khối lượng kết thúc kiểm tra đối với lợn đực hậu bị Landrace và Yorkshire làm tăng tăng khối lượng trung bình hàng ngày, dày mỡ lưng và dày cơ thăn, nhưng làm giảm tỷ lệ nạc. 2. Thể tích tinh dịch của lợn Landrace và Yorkshire (286,68 ml và 244,74 ml), hoạt lực tinh trùng (87,92 % và 89,65%), nồng độ tinh trùng (343,14 triệu/ml và 412,54 triệu/ml) và tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác (82,92 tỷ/lần và 86,90 tỷ/lần) đạt ở mức cao. Giống ảnh hưởng đến thể tích tinh dịch, hoạt lực tinh trùng và nồng độ tinh trùng ($P < 0,05$), nhưng không ảnh hưởng đến tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác ($P > 0,05$). Tăng tuổi khai thác đối với lợn Landrace làm tăng thể tích tinh dịch, nhưng làm giảm hoạt lực tinh trùng, nồng độ tinh trùng và tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác. Đối với lợn Yorkshire, tăng tuổi khai thác làm tăng thể tích tinh dịch, hoạt lực tinh trùng, nồng độ tinh trùng và tổng số tinh trùng tiến thẳng trong một lần khai thác.</p>
9	KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA LỢN HƯƠNG NUÔI TẠI XÃ BÌNH YÊN – HUYỆN THẠCH THẮT – TP HÀ NỘI	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Ts. Nguyễn Hoàng Thịnh	<p>Mục đích nghiên cứu Mô tả được các đặc điểm ngoại hình cơ bản đặc trưng của vịt trời. Đánh giá khả năng sản xuất của vịt trời nuôi ở điều kiện bán chăn thả Đánh giá được năng suất chất lượng thịt của vịt trời</p> <p>Kết quả chính và kết luận Vịt trời thành thực muộn, đẻ quả trứng đầu tiên ở 26 tuần tuổi, đẻ 5% lúc gần 29 tuần tuổi và đẻ đỉnh cao ở 34 tuần tuổi. Quy luật đẻ trứng của vịt trời hoàn toàn khác với vịt nhà: bắt đầu đẻ vào khoảng tháng 12 hàng năm, đẻ 6 tháng thì nghỉ, sau 2 tháng lại đẻ tiếp. Tỷ lệ đẻ cao nhất là 55-61%, trung bình tỷ lệ đẻ hàng năm chỉ là 23,80% với sản lượng trứng sau 44 tuần đẻ chỉ là 26,65 quả/mái. Khoảng 1/3 trứng vịt trời có vỏ màu xanh, 2/3 màu trắng, trứng nặng 62,43 g, chất lượng trứng tốt. Tỷ lệ có phôi đạt 96,43-97,67%, tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt 88,13%, tỷ lệ nở/tổng số trứng ấp đạt 84,12%, tỷ lệ vịt con loại 1/số con nở ra là 95,21%. Tỷ lệ nuôi sống của vịt trời nuôi thịt đến 13 tuần tuổi đạt 95,33% Khối lượng cơ thể con trống đạt 1,19 kg; con mái 1,05 kg, trung bình tiêu tốn 4,53 kg thức ăn/1 kg tăng khối lượng. Tỷ lệ thân thịt của vịt trời là 65,3%; thịt đùi là 10,0%; thịt lườn là 14,1%; thấp hơn so với các loại vịt nội khác của Việt Nam. Chỉ số sản xuất (PN) khi 12 tuần tuổi là 29 khi 13 tuần tuổi là 26% Nuôi 100 vịt trời lấy thịt, lãi 1 519 750 đồng/13 tuần nuôi.</p>
10	NGHIÊN CỨU KHẨU PHẦN ĂN PHÙ HỢP CHO LỢN NÁI LAI GIỮA LANDRACE VÀ YORKSHIRE Ở GIAI	LÊ THỊ TÂM	Ts. Trần Thị Bích Ngọc Pgs.Ts. Phạm Kim Đăng	<p>Mục đích nghiên cứu Xác định được khẩu phần ăn phù hợp cho lợn nái lai giữa Landrace và Yorkshire ở giai đoạn nuôi con trong điều kiện chuồng kín và chuồng hở.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Các trang trại điều tra ở 3 tỉnh Thái Nguyên, Thanh Hoá, Đồng Nai có quy mô chăn nuôi lợn nái từ 86,15 đến 206,95 nái/trang trại với giống lai giữa giống Landrace và Yorkshire là chủ yếu (chiếm hơn 96%). Phần lớn các trang trại nuôi lợn nái khép kín đến lợn thịt (84,75%), một số ít trang trại chỉ sản xuất lợn con để bán làm giống.</p>

	ĐOẠN NUÔI CON TRONG ĐIỀU KIỆN CHUỒNG KÍN VÀ CHUỒNG HỖ			<p>Số lợn con cai sữa/nái/năm ở các trang trại tại miền Bắc có xu hướng cao hơn (23,92 con) so với ở miền Trung (22,96 con) và ở Đồng Nai (21,61 con).</p> <p>Tăng tỷ lệ Lysine tiêu hóa/ME trong khẩu phần ăn cho lợn nái nuôi con đã làm tăng khối lượng lợn con cai sữa (tính theo ổ và theo từng con) và tăng khối lượng hàng ngày của lợn con theo mẹ, đồng thời làm giảm tiêu tốn thức ăn cho 1 kg lợn con cai sữa và giảm hao hụt khối lượng của lợn mẹ.</p> <p>Trong điều kiện chuồng kín tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng trọng của lợn con cai sữa đạt tốt nhất là 1,75kg thức ăn/kg tăng trọng và điều kiện chuồng hở đạt 1,7kg thức ăn/kg TT với tỷ lệ Lys tiêu hóa/ME trong khẩu phần lợn nái nuôi con là 2.75g/Mcal.</p> <p>Khẩu phần lợn nái nuôi con có tỷ lệ 2,75 g/Mcal Lys. tiêu hóa/ME đã đem lại hiệu quả chăn nuôi cao hơn so với khẩu phần lợn nái nuôi con có tỷ lệ 2,29 và 2,51 g/Mcal Lys. tiêu hóa/ME.</p>
11	ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ KHẨU PHẦN ĂN HỖN HỢP HOÀN CHỈNH CHO BÒ LAI (BBB x LAI SIND) GIAI ĐOẠN NUÔI VỖ BÉO 19-21 THÁNG TUỔI	NGUYỄN THỊ VÂN	Ts. Lê Việt Phương	<p>Mục đích nghiên cứu -Xác định được khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh thích hợp cho bò lai (BBBx Lai sind) giai đoạn nuôi vỗ béo 19-21 tháng tuổi.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Bò lai (BBBx Lai sind) giai đoạn vỗ béo 19-21 tháng tuổi được nuôi bằng 4 khẩu phần với thức ăn thô khác nhau có mức năng lượng ME và protein thô trong vật chất khô khẩu phần lần lượt là 11,0MJ/kg và 13,0 % đều có khả năng sinh trưởng tốt, tăng trọng trung bình từ 1474,3- 1521,7g/con/ngày.</p>